| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2018
Về việc: Tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Hệ;
2. Bà Vũ Thị Thùy Đông.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2018 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 05/10/2018, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Y, sinh năm 1988 - Có mặt.
Địa chỉ: Đội x, phường B, phường T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
**Bị đơn:** Anh Bùi Đức T, sinh năm 1986 - Vắng mặt.
Trú tại: Đội M, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
- Cháu Bùi Đặng Anh Ng, sinh ngày 19/12/2009.
- Cháu Bùi Đặng Ngọc Ch, sinh ngày 03/10/2017.
Cùng địa chỉ: Đội x, phường B, phường T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
**Người làm chứng:**
1. Bà Quách Thị X, sinh năm 1960 - Có mặt.
Địa chỉ: Đội x, phường B, phường T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
2. Bà Trần Thị S, sinh năm 1960 - Vắng mặt.
Trú tại: Đội M, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Y trình bầy:*

Chị Đặng Thị Y và anh Bùi Đức T đăng ký kết hôn với nhau năm 2009 tại UBND xã C, thành phố H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh T sang Hải Dương làm việc còn chị Y ở nhà cùng bố mẹ chồng, khoảng hơn một năm thì chị Y cũng sang Hải Dương ở cùng anh T. Khi sang ở cùng anh T thì chị Y phát hiện anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị Y ở cùng anh T được khoảng hơn một năm thì lại đưa con về ở cùng bố mẹ chồng, anh T khoảng một tháng thì về nhà thăm vợ con một lần. Sau đó khoảng một năm chị Y và con lại sang ở với anh T. Đến năm 2015 thì anh T công khai quan hệ với người phụ nữa khác và thuê nhà ở riêng, hai mẹ con chị Y ở với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015, không ai quan tâm đến ai nữa. Cuối năm 2016 anh T chủ động nói với chị Y là sẽ sửa chữa, thay đổi tính nết nên vợ chồng lại về chung sống với nhau. Nhưng sau đó anh T vẫn không thay đổi, vẫn quan hệ ngoại tình. Quá chán nản và thất vọng nên tháng 6 năm 2017 chị Y đưa con về ở cùng với bố mẹ đẻ. Ngày 26/10/2017 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Trung - Đài Loan nhưng không nói cho chị Y biết. Đến ngày 27/3/2018 âm lịch anh T bị trục xuất về nước do đánh nhau. Do anh T giấu nên chị Y không biết anh T ở đâu, làm gì nhưng thỉnh thoảng có việc anh T vẫn về nhà. Chị Y xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

Vợ chồng chị Y có hai con chung là Bùi Đặng Anh Ng, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Bùi Đặng Ngọc Ch, sinh ngày 03/10/2017. Cả hai cháu đang ở cùng chị Y, chị Y có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Theo đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Y yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/ một cháu/ một tháng. Tuy nhiên ngày 05/11/2018 chị Y có đơn xin rút yêu cầu này, chị Y tự nguyện không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con.

Vợ chồng chị Y không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cháu Bùi Đặng Anh Ng trình bầy:*

Từ nhỏ đến nay cháu chủ yếu sống với mẹ Y, thỉnh thoảng mới ở với bố T vì bố đi suốt ngày. Hiện nay cháu đang ở với mẹ và em gái ở nhà ông bà ngoại cháu. Cháu không biết lý do mâu thuẫn của bố mẹ cháu, cháu không thấy bố mẹ cãi nhau nhưng có lần cháu thấy bố đánh mẹ Y. Nay mẹ xin ly hôn bố, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Y.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo báo về việc thụ lý vụ án và các giấy triệu tập cho anh Bùi Đức T, do anh T đi làm vắng nhà nên mẹ đẻ anh T là bà Trần Thị S nhận thay và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để làm việc. Sau đó gia đình bà S không nhận giấy triệu tập và các văn bản khác của Tòa án thay cho anh T nữa nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy không thể tiến hành lấy lời khai của anh T và cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Đặng Thị Y giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên.

* Bị đơn anh Bùi Đức T vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H□ng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đ□a vụ án ra xét xử, yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Y được ly hôn anh Bùi Đức T.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Đặng Anh Ng, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Bùi Đặng Ngọc Ch, sinh ngày 03/10/2017 cho chị Đặng Thị Y nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Anh Bùi Đức T đăng ký hộ khẩu thường trú tại đội 3, thôn Phương Thượng, xã C, thành phố H. Qua lời khai của bà Trần Thị S - mẹ đẻ anh T và xác minh tại Công an xã C, thành phố H xác định: Anh Bùi Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng anh T đi làm ăn ở tỉnh khác. Cuối năm 2017 anh T có đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan nhưng được vài tháng thì bị trục xuất về nước nhưng anh T không thường xuyên sinh sống ở địa phương mà vẫn làm việc ở tỉnh khác, khi gia đình có công việc thì anh T về rồi lại đi, tuy nhiên anh T vẫn thực hiện các vụ công dân của địa phương. Cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: Anh T xuất cảnh ngày 16/10/2017, đã nhập cảnh ngày 12/5/2018 qua cửa khẩu quốc tế Nội Bài. Khi bà S thông báo cho anh T biết việc Tòa án có thông báo thụ lý giải quyết việc chị Y xin ly hôn anh T nhưng anh T không có ý kiến gì, bà S có hỏi địa chỉ chỗ ở nhưng anh T không nói. Như vậy xác định anh T cố tình che giấu địa chỉ, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành thụ lý đơn khởi kiện theo đúng quy định tại Điều 189 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng như không có mặt tại Tòa án để làm việc theo các giấy triệu tập, không có mặt tại phiên tòa, gây khó khăn cho tòa án trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ và giải quyết vụ án, vi phạm quy định tại điều 70 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị Y kết hôn với anh Bùi Đức T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên (nay là xã C, thành phố H) ngày 15/5/2009. Như vậy hôn nhân giữa chị Y và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Y ở cùng bố mẹ đẻ anh T được hơn một năm thì cả hai đi làm ăn ở Hải Dương. Thời gian này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị Y nghi ngờ anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, thỉnh thoảng anh T mới về nhà trọ cùng vợ con. Chị Y ở với anh T được khoảng một năm lại về ở cùng với bố mẹ chồng, được một thời gian lại sang Hải Dương ở cùng với anh T. Năm 2015 thì chị Y sống ly thân với anh T do anh T thuê nhà trọ khác. Đến cuối năm 2016 vợ chồng chị Y lại quay về chung sống với nhau do anh T hứa sửa chữa, nhưng sau đó vẫn không thay đổi nên tháng 6 năm 2017 chị Y đưa các con về ở cùng bố mẹ đẻ, từ đó đến nay cả hai anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng chị Y được bà Trần Thị S - mẹ đẻ anh T cung cấp: Trong cuộc sống thì vợ chồng anh T hay cãi nhau vặt, anh T thì hay uống rượu và chơi bời. Vào khoảng 30 tết năm 2016 không biết vì lý do gì mà vợ chồng chị Y cãi nhau to tiếng, vợ chồng chửi nhau, bà S đã can ngăn hai vợ chồng, sau đó chị Y chở con đi khỏi nhà bà S, từ đó cho đến nay không quay lại nhà bà S nữa. Bà S biết chị Y có sang Hải Dương ở cùng với anh T, thời gian vợ chồng sống ở Hải Dương như thế nào thì bà S không biết vì bà không ở cùng (BL 40, 41). Bà Quách Thị X - mẹ đẻ chị Y cũng cung cấp: Khi chị Y sang ở nhà trọ ở Cẩm Giàng, Hải Dương cùng anh T thì bà cũng sang bế con cho chị Y. Tuy ở cùng nhưng anh T cũng đi suốt ngày, thỉnh thoảng mới về nhà. Vợ chồng có đánh cãi nhau, chị Y đã nhờ Công an xã Cẩm Phúc can thiệp. Năm 2015 thì anh T công khai ở với gái bên ngoài để mặc mẹ con chị Y ở với nhau, chiều 30 tết năm 2015 anh T đã đánh chị Y trước mặt bà X mặc dù trước đó bà X đã can ngăn nhưng anh T có thái độ rất hỗn láo rồi xông vào đánh chị Y. Tháng 6 năm 2017 chị Y về ở cùng vợ chồng bà X, từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai (BL 32, 33). Từ những căn cứ trên xác định: Mặc dù vợ chồng chị Y kết hôn với nhau từ năm 2009 nhưng thời gian ở với nhau không nhiều, khi thì ở cùng nhau ở Cẩm Giàng, Hải Dương, khi thì chị Y về ở cùng bố mẹ đẻ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị Y cho rằng anh T có quan hệ ngoại tình với người khác, vợ chồng đã đánh, cãi nhau. Anh T đã quay về hứa sửa chữa nhưng sau đó cũng không thay đổi nên tháng 6 năm 2016 chị Y đã đưa các con về ở cùng bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh T cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Y, anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị Y xin được ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung:

Vợ chồng chị Y, anh T có hai con chung là Bùi Đặng Anh Ng, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Bùi Đặng Ngọc Ch, sinh ngày 03/10/2017. Xét nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu của chị Y thì thấy rằng: Từ khi vợ chồng chị Y có con chung đến nay thì chủ yếu hai cháu ở cùng chị Y. Hiện tại chị Y đang ở trên nhà, đất của bố mẹ đẻ cho. Chị Y đang làm việc cho Công ty TNHH thời trang mỹ phẩm Vĩnh Thịnh (nhân viên bán hàng), theo trích lục bảng lương của các tháng 4, 5 và 6 năm 2018 do chị Y xuất trình thì thu nhập trung bình hàng tháng của chị Y khoảng hơn bẩy triệu đồng. Như vậy điều kiện về chỗ ở, kinh tế của chị Y đảm bảo tốt cho việc nuôi dưỡng các cháu. Nguyện vọng của chị Y phù hợp với nguyện vọng của cháu Ánh Ngọc. Mặt khác do anh T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được nguyện vọng của anh T về con chung. Vì vậy sẽ giao hai con chung cho chị Y nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu sau này anh T có nguyện vọng được nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Anh T không trực tiếp nuôi con chung nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị Y và phù hợp với điều kiện hiện tại của anh T nên sự tự nguyện này của chị Y được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Tuy nhiên do anh T không đến làm việc nên không biết anh T có đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung hay không. Vì vậy sẽ không xem xét về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị Y, anh T. Sau này nếu anh T có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 189, Điều 192, Điều 195, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Y được ly hôn anh Bùi Đức T.

**2.** Về con chung: Giao cháu Bùi Đặng Anh Ng, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Bùi Đặng Ngọc Ch, sinh ngày 03/10/2017 cho chị Đặng Thị Y nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Văn Tùng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Đặng Thị Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị Y không yêu cầu anh Bùi Văn Tùng phải đóng góp tiền nuôi con chung.

**4.** Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Khi nào anh Đặng Văn Tùng có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

**5.** Về án phí: Chị Đặng Thị Y phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ chị Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000133 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị Y đã nộp án phí.

**6.** Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Văn Tùng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

***Nơi nhận:***
*- VKSND TP.Hưng Yên;*
*- Các đ- ơng sự;*
*- TA tỉnh H- ng Yên;*
*- THA dân sự TP Hưng Yên;*
*- L- u hồ sơ.*

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nguyễn Thị Lý***